TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày: 18-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Bích.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Mai Thị Ngọc T, sinh ngày 12/5/1976 tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: số 14/4A, đường L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: số 48/2, đường Y, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: không rõ họ, tên cha và bà M Thị K (đã chết), Có chồng là Nguyễn Đức H, sinh năm 1966; Có 01 người con sinh năm 2006.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 12/7/2019 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: bà Trần Tú L, sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: số 125, đường N, khóm 2, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Tú N, sinh năm 1961. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 32, đường Trần Hưng Đạo, khóm B, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bà Lê Kim L, sinh năm 1967. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 52/2, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị Ngọc T là người phụ giúp việc nhà cho bà Trần Tú L ở số 125, đường Nguyễn Huệ B, khóm 2, phường L, thành phố X từ năm 1999. Ngày 20 tháng 4 năm 2019, bà L phát hiện bị mất trộm vàng để trong két sắt không khóa mật mã để trong phòng ngủ ở tầng 01 nên đến Công an phường L trình báo.

Cùng ngày 20 tháng 4 năm 2019, Mai Thị Ngọc T đến Công an phường L đầu thú và khai nhận trong thời gian phụ giúp việc nhà, T biết được bà L để tài sản trong két sắt không khóa mật mã, chìa khóa két sắt để trong tủ quần áo nên từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 01 năm 2019, T đã nhiều lần lấy chìa khóa mở két sắt lấy trộm tổng cộng 6,3 lượng vàng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng tháng 6 năm 2016, T mở két sắt lấy trộm 02 miếng vàng hình chữ nhật ép trong bọc nilon, trọng lượng 3 lượng 4 chỉ vàng 24K. Sau đó, T đem đến tiệm vàng Kim Hương ở phường L bán được 110.000.000 đồng. số tiền này, T trả nợ cho Lê Kim L 30.000.000 đồng, trả nợ ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng 18.000.000 đồng, đánh số đề khoảng 40.000.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 12 năm 2017, T mở két sắt lấy trộm 06 miếng vàng hình 12 con giáp (Ngựa, Dê, Mèo, Rồng) trọng lượng mỗi miếng 1 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn tròn trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn tròn trọng lượng mỗi chiếc 5 phân vàng 24K. Sau đó, T đem đến các tiệm vàng SJC, Kim M, Ngọc Tải Buôl ở phường L bán được 29.000.000 đồng. Số tiền này T trả nợ ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng 12.000.000 đồng, số tiền còn lại đóng tiền nhà, tiền học phí cho con và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 01 năm 2019, T mở két sắt thấy 01 hộp gỗ màu đen có dán niêm phong bằng giấy trắng quấn băng keo và có chữ ký bà Trần Tú N (chị của M). T dùng kéo cắt băng keo mở hộp thấy bên trong có 06 miếng vàng được ép nilon, T dùng kéo cắt lấy 02 miếng trọng lượng 02 lượng vàng SJC rồi dùng băng keo dán hộp lại. Sau đó, T đem số vàng trên đến tiệm vàng Hai Bòn ở phường L bán được 65.000.000 đồng. T sử dụng số tiền này trả nợ cho Lê Kim L ở phường Mỹ Phước 35.000.000 đồng, trả nợ ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng 22.750.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 136/KL.HĐ ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Long Xuyên, xác định:

- 3 lượng 4 chỉ vàng 24K ngày 01/6/2016: 112.064.000 đồng.

- 9 chỉ vàng 24K ngày 01/12/2017: 32.859.000 đồng.

- 2 lượng vàng SJC 24K ngày 04/01/2019: 73.560.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản: 218.483.000 đồng.

Ngày 20 tháng 4 năm 2019 Nguyễn Đức H (chồng của T) giao xe mô tô biển số 67B2 – 291.59 trị giá 30.000.000 đồng cho bà L bồi thường thiệt hại do T tác động bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 28/CT.VKS ngày 19 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố bị cáo Mai Thị Ngọc T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo Mai Thị Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Tú L số tiền 303.310.000 đồng (tương đương với 6,3 lượng vàng tại thời điểm xét xử), khấu trừ 30.000.000 đồng do phía gia đình bị cáo đã bồi thường trước đó, còn lại 273.310.000 đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà L.

Đối với Trần Tú L khai tổng số vàng bị mất là 11,3 lượng vàng 24K, 5,5 chỉ vàng 18K và 2.000 Euro nhưng T chỉ thừa nhận lấy trộm 6,3 lượng vàng 24K. Ngoài lời khai của bà L không còn chứng cứ nào khác nên không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với T về số vàng chênh lệch và số tiền 2.000 Euro.

Bị cáo Mai Thị Ngọc T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra, bị hại bà Trần Tú L khai tài sản bị mất trộm tổng cộng 11,3 lượng vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18K và 2.000 Euro. Trong số 11,3 lượng vàng 24K có: 02 miếng vàng trọng lượng 5,2 lượng vàng 24K của bà Trần Thị M (chị của Lệ) gửi giữ; 1,5 lượng vàng 24K của Lâm Bảo Trân và Nguyễn Minh Toàn (con gái và con rể của Lệ) gửi giữ; 02 lượng vàng SJC 24K trong hộp gỗ có dán miếng niêm phong của Trần Tú N (chị của Lệ) gửi giữ và 2,6 lượng vàng 24K của bà L. Toàn bộ số vàng trên bà L là người có trách nhiệm quản lý. Bà L yêu cầu T bồi thường số tiền 535.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Tú N trình bày: bà có gửi cho bà L giữ số vàng và bị mất 02 lượng vàng SJC. Bà N yêu cầu T bồi thường 02 lượng vàng SJC hoặc giá trị tương đương tại thời điểm bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại tại các biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2019, 16/9/2019, bà L khai "*Đến khoảng 15 giờ ngày 19/4/2019 T có gặp tôi và thừa nhận với tôi số vàng mà T đã lấy gồm: 02 lượng vàng của Bà N, 02 miếng vàng Đức của chị M và 06 chỉ vàng hình con giáp, đồng tiền, thần tài của tôi"*, lời khai của người liên quan bà Trần Tú N, phù hợp với thời gian, đặc điểm số vàng mà bị cáo lấy trộm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bà Trần Tú L khai tài sản bị mất trộm tổng cộng 11,3 lượng vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18K và 2.000 Euro. Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, biên bản xác minh tại các tiệm vàng Kim Hương, Kim M, Hai Bòn, Buol được thu thập trong quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa thì ngoài lời khai của bà L thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để quy kết trách nhiệm hình sự của bị cáo đối với số vàng chênh lệch và số tiền 2.000 Euro theo lời khai của bà L. Do đó, việc không quy kết trách nhiệm hình sự bị cáo đối với số vàng chênh lệch và số tiền 2.000 Euro là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng từ việc làm thuê giúp việc nhà nhiều năm cho bà Trần Tú L và sự sơ hở của bà L trong việc quản lý tài sản, khi bà L vắng nhà bị cáo đã nhiều lần lén lút lấy chìa khóa để trong tủ quần áo mở két sắt không khóa mật mã, lấy trộm tổng cộng 6,3 lượng vàng 24K với tổng trị giá 218.483.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được trách nhiệm là người mẹ, người vợ trong gia đình phải tích cực lao động tạo thu nhập chân chính, với công việc có thu nhập ổn định là giúp việc nhà trong gia đình bà Tú Lệ đủ để tiêu xài cá nhân và trang trải trong gia đình. Ngược lại bản thân bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động, muốn có nhiều tiền tiêu xài và đánh số đề bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bà Trần Tú L, điều này cho thấy sự bất chấp pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Trần Tú L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại thời điểm bị bà L phát hiện lấy trộm tài sản thì bị cáo đã chủ động vận động ông Nguyễn Đức H (chồng bị cáo) tự thỏa thuận với bà L giao xe mô tô biển số 67B2 – 291.59 trị giá 30.000.000 đồng cho bà L để khắc phục một phần thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bà Trần Tú L. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Theo lời khai của bà Trần Tú L thì trong số vàng bị mất trộm có 02 miếng vàng Thụy Sỹ do bà Trần Thị M (đang định cư ở Đức), nhẫn vàng do Lâm Tú Trân và Nguyễn Minh Toàn (đang định cư ở Úc), 02 lượng vàng SJC do bà Trần Tú N gửi bà giữ và trong quá trình điều tra cũng không thu thập được lời khai của bà Trần Thị M, bà Lâm Tú T, ông Nguyễn Minh T. Tuy nhiên, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản thì bà L là người quản lý tài sản hợp pháp và bà L cũng xác định bà chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với số vàng mà bà N, bà M và T, T1 gửi giữ. Do đó, xác định bà Trần Tú L là người bị hại trong vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với 02 lượng vàng SJC 24K mà bà Trần Tú N gửi cho bà Trần Tú L cất giữ. Xét thấy đây là giao dịch dân sự giữa Bà N và bà L, dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho bà Trần Tú N đối với bà Trần Tú L khi có yêu cầu.

Bà Trần Tú L yêu cầu bồi thường số tiền 535.000.000 đồng, tương đương với 11,3 lượng vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18K và 2.000 Euro bị mất trộm đồng thời đồng ý khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng tương đương giá trị xe mô tô biển số 67B2 – 291.59 mà chồng bị cáo đã giao cho bà để khắc phục một phần thiệt hại. Tuy nhiên, chỉ có đủ căn cứ xác định được trách nhiệm hình sự của bị cáo đối với 6,3 lượng vàng mà bà L bị mất trộm do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà L buộc bị cáo bồi thường cho bà L 6,3 lượng vàng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là phù hợp với quy định pháp luật.

Theo Công văn số 1215/STC-GCS ngày 18/5/2020 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cung cấp giá vàng tại thời điểm ngày 18/5/2020 thì vàng SJC 24K có giá

4.867.000 đồng/chỉ, vàng 24K có giá 4.790.000 đồng/chỉ. Như vậy, 6,3 lượng vàng có giá như sau:

- 3 lượng 4 chỉ vàng 24K: 162.860.000 đồng.

- 9 chỉ vàng 24K: 43.110.000 đồng.

- 2 lượng vàng SJC 24K: 97.340.000 đồng.

Tổng cộng: 303.310.000 đồng, trong đó khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng tương đương giá trị xe mô tô mà ông Nguyễn Đức H tự thỏa thuận với bà Trần Tú L bồi thường cho bị cáo, còn lại buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Trần Tú L số tiền 273.310.000 đồng.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Ngọc T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 135, các Điều 136, 331, 333, 336 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Ngọc T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2019.

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Tú L số tiền 273.310.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 13.665.500 đồng *(Mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Long Xuyên (2);
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang(1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Chi cục THADS TP Long Xuyên (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng (8).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên